

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

KHOA TIẾNG ANH A

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC HỌC PHẦN HA3

(Theo công văn số 137 của Phòng QLĐT)

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tiếng Anh HA3

- Mã số học phần: 191303013

1.2. Số tín chỉ: 03

1.3. Bộ môn phụ trách: Khoa Tiếng Anh A

1.4. Tên giảng viên đảm nhận giảng dạy:

Giảng viên 1

Họ và tên: Đặng Thị Minh Quyên

Chức danh, học hàm, học vị: PCNK, Thạc sỹ

Địa điểm làm việc: Phòng A408

Điện thoại, email: 0913340875, minhquyen75@gmail.com

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng

Giảng viên 2:

Họ và tên: Đỗ Thị Thu Phương

Chức danh, học hàm, học vị: GV, Thạc sỹ

Địa điểm làm việc: Phòng A306

Điện thoại, email: 0984908806

Hướng nghiên cứu chính: Thực hành tiếng

1.5. Loại học phần: Bắt buộc

1.6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên phải thi qua HA1 và HA2

1.7. Phân bổ thời gian:

+ Nghe giảng lý thuyết	: 45 tiết
+ Thảo luận nhóm, Seminar	: 0 tiết
+ Tự học	: 67,5 giờ
+ Hoạt động khác	: không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung của học phần

Học phần tiếng Anh HA3 trang bị cho sinh viên các kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cũng như củng cố các kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu và viết để giúp sinh viên có thể giao tiếp và hiểu được các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như kì nghỉ, trang phục, phim ảnh, giao thông, mua sắm, v.v. Ngoài ra, học phần tiếng Anh HA3 còn giúp sinh viên hình thành thói quen tự học tập và tự tin áp dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào cuộc sống và công việc thực tiễn một cách trung thực và khoa học.

2.2. Mục tiêu cụ thể của học phần

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu
G1	Về kiến thức: - Trang bị cho sinh viên kiến thức từ vựng về các chủ đề “Kỳ nghỉ” (Holidays), “Hiện tại” (Now) và “Việc đi lại và phương tiện giao thông” (Transport) (Unit 7,8,9). - Trang bị cho sinh viên kiến thức ngữ pháp về “Cách so sánh tính từ”, “Thì hiện tại đơn giản và hiện tại tiếp diễn”, “Một số động từ khuyết thiếu” và “Quán từ” (Unit 7,8,9).
G2	Về kỹ năng: - Củng cố và phát triển cho sinh viên kỹ năng Nghe hiểu và Đọc hiểu (Unit 7,8,9). - Củng cố và phát triển cho sinh viên kỹ năng Phát âm và Nói thông qua các tình huống giao tiếp (Unit 7,8,9). - Củng cố cho sinh viên kỹ năng viết câu và viết các đoạn văn kể, miêu tả cũng như viết các mẫu form (Unit 7,8,9).
G3	Về tự chủ, tự chịu trách nhiệm: - Giúp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong học tập và từ đó khuyến khích sinh viên tự chủ và tự chịu trách nhiệm với việc học tập tiếng Anh của mình thông qua việc giao bài tập và cung cấp thêm các nội dung giúp sinh viên tự học. - Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học. - Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.

2.3. Chuẩn đầu ra của học phần

a) Về kiến thức:

- CLO1: Nhớ và hiểu được những ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các kỳ nghỉ, văn hóa phim ảnh và các phương tiện giao thông.
- CLO2: Vận dụng được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các kỳ nghỉ, văn hóa phim ảnh và các phương tiện giao thông.

b) Về kỹ năng

- CLO3: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực giao tiếp thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, hỏi và đưa ra gợi ý, xin lỗi khi đến trễ, viết nhận xét trên trang web, v.v...
- CLO4: Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực phân tích và đánh giá tình huống để có thể sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, hỏi và đưa ra gợi ý, xin lỗi khi đến trễ, viết nhận xét trên trang web, v.v...

c) Về tự chủ và trách nhiệm

- CLO5: Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học.
- CLO6: Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.

Mã CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ thang BLOOM
Kiến thức		
CLO1	Nhớ và hiểu được những ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các kỳ nghỉ, văn hóa phim ảnh và các phương tiện giao thông.	2
CLO2	Vận dụng được các ngữ liệu ngôn ngữ cơ bản liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày như các kỳ nghỉ, văn hóa phim ảnh và các phương tiện giao thông.	3
Kỹ năng		
CLO3	Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực giao tiếp thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao	3

	tiếp như hỏi và chỉ đường, hỏi và đưa ra gợi ý, xin lỗi khi đến trễ, viết nhận xét trên trang web, v.v...	
CLO4	Hình thành và phát triển cho sinh viên năng lực phân tích và đánh giá tình huống để có thể sáng tạo trong việc sử dụng ngôn ngữ thông qua các hình thức nghe, nói, đọc, viết như kỹ năng nghe, đọc lấy thông tin và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp như hỏi và chỉ đường, hỏi và đưa ra gợi ý, xin lỗi khi đến trễ, viết nhận xét trên trang web, v.v...	3
Tự chủ và trách nhiệm		
CLO5	Có năng lực xử lý các tình huống trong giao tiếp khi sử dụng các ngữ liệu đã học.	3
CLO6	Có trách nhiệm với các quyết định của bản thân trong việc vận dụng và sáng tạo các ngữ liệu đã học vào các tình huống sử dụng ngôn ngữ hàng ngày.	3

4. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần HA3 bao gồm 3 bài học từ bài số 7 đến 9 của giáo trình Speakout Elementary.

- Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về **từ vựng** (chỉ địa điểm du lịch, từ miêu tả dáng vẻ bên ngoài, từ chỉ phương tiện giao thông và đi lại), **ngữ pháp** (so sánh của tính từ, thời hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn, một số động từ khuyết thiếu và quán từ) và các kỹ năng **nói** (nói về kỳ nghỉ, miêu tả dáng vẻ bên ngoài của một người, nói về các phương tiện và việc đi lại, hỏi và chỉ đường, xin lỗi, hỏi và đưa ra gợi ý), **nghe** (nghe hội thoại hoặc xem DVD để lấy thông tin chính và chi tiết về các chủ đề đi lại và phim ảnh), **đọc** (đọc lấy ý chính và thông tin chi tiết về tour du lịch, về thành phố du lịch, về ngôn ngữ sử dụng trên Internet và về các phương tiện giao thông) và **viết** (viết đoạn ngắn 60-70 từ về một thành phố, một vấn đề gặp phải khi đi máy bay, viết tóm tắt báo cáo điều tra).
- Để học được học phần này, yêu cầu:
 - + Giảng viên giảng cho SV hiểu được các kiến thức, hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trong các kỹ năng ngôn ngữ.
 - + Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp và luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.

5. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Đáp ứng CDR của học phần	Phân bổ thời lượng cho các hoạt động giảng dạy và học tập				
		Thời lượng giảng dạy (Tiết)				Thời gian sinh viên tự học (Giờ)
		Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Unit 7 7.1. Grammar/ Function Comparative Superlative Giving directions 7.2. Vocabulary Travel adjectives Places 7.3. Pronunciation Word stress Sentence stress Weak form: the 7.4. Reading Read a quiz about travel Read an article about a bike tour across Asia Read about Liverpool 7.5. Listening/DVD Listen to people talk about how they like to travel Listen to a conversation with a traveler Understand directions Watch an extract from a travel show about HongKong 7.6. Speaking	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

Talk about holidays Plan and talk about a long journey Give directions Describe a part of town/city you know 7.7. Writing Write a short travel article about a city/town						
Unit 8 8.1. Grammar/ Function Present simple Present continuous Recommend-ing 8.2. Vocabulary Verbs + prepositions Appearance Types of films 8.3. Pronunciation Weak form: prepositions and articles Intonation in questions Word stress: Linking 8.4. Reading Read research about language people use on social networking sites Read a questionnaire about film 8.5. Listening/DVD Listen to people talk about actors Listen conversations about films	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

Watch an extract from BBC about shopping trends 8.6. Speaking Talk about what people are doing Talk about what you wear Ask for and give recommendations Talk about a survey on trends 8.7. Writing Write a summary of a survey Write comments on a photo						
Unit 9 9.1. Grammar/ Function Can/can't, have to/don't have to Apologizing 9.2. Vocabulary Adjectives Transport collocation Excuses 9.3. Pronunciation Word stress: weak sound /ə/ Weak form: a, an, the Intonation in apologies 9.4. Reading Read an article about Mexico City's EcoBici Read about transport in different places	CLO1,2,3, 4,5,6	15				22,5

Read excuses for being late 9.5 Listening/DVD Listen to a man talk about travelling for free Listen to a woman talk about her problem getting to work Watch an extract from a documentary about a day at Heathrow airport 9.6. Speaking Talk about transport in different cities Talk about types of transport Apologize for being late Dealing with problems when flying 9.7 Writing Write a story using linkers Write a website entry about problems when flying						
--	--	--	--	--	--	--

6. Ma trận chuẩn đầu ra

BẢNG ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TƯƠNG THÍCH CDR CỦA HỌC PHẦN VỚI CDR CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Chuẩn đầu ra học phần (CLO)	Đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)
1	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
	CLO 1	(Khoa chuyên ngành ghi)
	CLO 2	
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
	CLO 3	
	CLO 4	
3	Mức tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp	
	CLO 4	
	CLO 5	

7. Tài liệu giảng dạy

7.1. Tài liệu chính

(1) Eals, F. and Oakes, S. (2015). *Speakout Elementary (2nd Edition)*, Pearson Education Limited, Essex.

7.2. Tài liệu kèm tài liệu chính

(1) Dương Cẩm Tú và cộng sự (2023). *Tài liệu kèm giáo trình Speakout - Bậc học A1 và A2 (Elementary)*, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội.

7.3. Tài liệu bổ trợ

(1) Dương Cẩm Tú và cộng sự (2022). *Bổ trợ giáo trình Speakout (Elementary)*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

8. Nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên

TT	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của giảng viên	Nhiệm vụ của sinh viên	Đáp ứng CDR nào của học phần
1	Unit 7: HOLIDAYS ● 7.1: Travel partners (Vocabulary, Speaking, Listening, Grammar, Speaking – pp.68,69) ● 7.2: The longest bike ride (Vocabulary, Reading – p. 70)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Hình thức so sánh hơn kém; + Tính từ để miêu tả các địa điểm trong ngữ cảnh của kỳ nghỉ; Từ vựng nói về các địa điểm du lịch. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Hình thức so sánh (p.69, SB); + Tính từ để miêu tả các địa điểm trong ngữ cảnh của kỳ nghỉ (p.68, SB); Từ vựng nói về các địa điểm du lịch (p.70, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

2	Unit 7: HOLIDAYS ● 7.2: The longest bike ride (Grammar, Speaking, Writing – p.71) ● 7.3: Can you tell me the way (Vocabulary, Function, Learn to, Speaking – pp.72,73)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Hình thức so sánh cấp cao nhất; + Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Hình thức so sánh cấp cao nhất (p.71, SB); + Từ vựng nói về các địa điểm trong thành phố (p.72, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
3	Unit 7: HOLIDAYS ● 7.4: Hong Kong (DVD Preview, DVD View, Speakout: city challenge, Writeback: a travel article – pp.74,75) ● 7.5: Look back (1,2,3,4,5 – p.7)	4	- Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về một số địa danh nổi tiếng trong thành phố; - Hướng dẫn sinh viên thực hành thành thạo các kỹ năng Nói và Viết về địa điểm yêu thích; - Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 7.	- Chuẩn bị trước ý tưởng cho bài Nói và Viết về địa điểm yêu thích; - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên; - Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 7.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
4	● REVIEW UNIT 7 ● Unit 8: NOW	4	- Hướng dẫn SV làm bài ôn tập Unit 7.	- Làm bài ôn tập Unit 7.	CLO 1, CLO 2,

	8.1: Having a great time (Reading, Grammar – pp.78,79)		- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được Thời hiện tại tiếp diễn. - Hướng dẫn sinh viên thực hành thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp. - Hướng dẫn SV kỹ năng đọc lấy ý chính và lấy thông tin chi tiết.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về Thời hiện tại tiếp diễn (p.78, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
5	Unit 8: NOW • 8.1: Having a great time (Vocabulary, Speaking, Writing – p.79) • 8.2: What a difference! (Listening, Vocabulary, Grammar, Speaking – pp. 80,81)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Hiện tại đơn giản và Hiện tại tiếp diễn; Các động từ và giới từ thường đi cùng; + Từ vựng nói về đặc điểm nhận dạng người. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Hiện tại đơn giản và Hiện tại tiếp diễn (p.81, SB); Các động từ và giới từ thường đi cùng (p.79, SB); + Từ vựng nói về đặc điểm nhận dạng người (p.80, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

6	Unit 8: NOW ● 8.3: What do you recommend? (Speaking , Vocabulary, Function, Learn to, Speaking – p.82,83) ● 8.4: Changing trends (DVD Preview, DVD View – p.84)	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được Từ vựng nói về thể loại phim. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ. - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về xu hướng mua sắm trong những năm gần đây.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về Từ vựng nói về thể loại phim (p.82, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
7	Unit 8: NOW ● 8.4: Changing trends (Speakout: a survey on trends, Writeback: a summary of a survey – p.85) ● 8.5: Look back (1,2,3,4,5,6 – p.86) ● REVIEW UNIT 8	4	- Hướng dẫn sinh viên thực hành các kỹ năng Nói và Viết về xu hướng mua sắm ở nơi SV sinh sống. - Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 8. - Hướng dẫn SV làm bài ôn tập Unit 8.	- Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên. - Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 8. - Làm bài ôn tập Unit 8.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
8	Unit 9: TRANSPORT ● 9.1: City bikes (Speaking, Vocabulary, Reading, Grammar, Speaking – pp.88,89) ● 9.2: Free ride	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được:	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Động từ “Can/Can’t;	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5,

	(Vocabulary, Listening – p.90)		+ Động từ “Can/Can’t; Have to/Don’t have to”; + Tính từ dùng để đưa ra ý kiến về về phương tiện giao thông và cách thức di chuyển; Từ vựng nói về phương tiện giao thông và cách thức di chuyển. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ.	Have to/Don’t have to” (p.89, SB); + Tính từ dùng để đưa ra ý kiến về phương tiện giao thông và cách thức di chuyển (p.88, SB); Từ vựng nói về phương tiện giao thông và cách thức di chuyển (p.90, SB). - Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 6
9	Unit 9: TRANSPORT ● 9.2: Free ride (Grammar, Reading – p.91) ● 9.3: Sorry! I’m late. (Vocabulary, Function – p.92) ● TESTS FOR MODULE 3	4	- Giảng cho SV hiểu được và vận dụng được: + Quán từ a/an/the; + Các cụm từ thường dùng để xin lỗi.	- Đọc trước tài liệu để nhớ và hiểu về: + Quán từ a/an/the (p.91, SB); + Các cụm từ thường dùng để xin lỗi (p. 92, SB).	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

			- Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các hiện tượng ngữ pháp và từ vựng trên trong các kỹ năng ngôn ngữ. - Cho SV làm bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp.	- Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên. - Làm bài kiểm tra giữa kỳ trên lớp.	
10	Unit 9: TRANSPORT ● 9.3: Sorry! I'm late. (Learn to, Speaking – p.93) ● 9.4: Airport (DVD Preview, DVD View, Speakout: deal with a problem, Writeback: a website – p.94, 95)	4	- Hướng dẫn thực hành nói xin lỗi trong một số tình huống. - Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu cách xử lý vấn đề gặp phải khi đi máy bay. - Hướng dẫn sinh viên vận dụng thành thạo và có sáng tạo các kỹ năng Nói và Viết về xử lý vấn đề gặp phải khi đi máy bay.	- Luyện tập theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6
11	Unit 9: TRANSPORT ● 9.5: Look back (1,2,3,4,5 – p.96) REVIEW UNIT 9	5	- Hướng dẫn sinh viên ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 9. - Hướng dẫn SV làm bài ôn tập Unit 9.	- Ôn lại các hiện tượng ngôn ngữ đã học trong Unit 9. - Làm bài ôn tập Unit 9.	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5, CLO 6

9. Phương pháp giảng dạy và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập

9.1. Phương pháp giảng dạy học phần

Phương pháp giảng dạy	Đáp ứng CĐR của học phần
-----------------------	--------------------------

1. Thuyết giảng	CLO1, CLO2
2. Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
3. Đóng vai	CLO1, CLO2
4. Động não	CLO1, CLO2
5. Giao bài tập, tình huống	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
6. Hướng dẫn cách đọc tài liệu	CLO1
7. Tự nghiên cứu	CLO1
8. Làm việc nhóm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
9. Thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
10. Trả lời câu hỏi, phát biểu, trao đổi ý kiến xây dựng bài	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
11. Nghe giảng, ghi bài	CLO1
12. Đọc, nghiên cứu tài liệu	CLO1
13. Làm bài tập cá nhân	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

9.2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

Thành phần đánh giá	Bài đánh giá	Phương pháp/ hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Thời điểm đánh giá	Hệ số	Đáp ứng CDR học phần	Trọng số
A1. Đánh giá quá trình	A1.1. Điểm chuyên cần	Đánh giá mức độ chuyên cần	- Thời gian lên lớp nghe giảng - Tinh thần thái độ học tập - Mức độ tham gia các hoạt động semina, làm bài tập...	Toàn bộ các tuần		CLO 1,2,3,4,5,6	40%
	A1.2. Bài kiểm tra 1 -Nói	Trực tiếp nói	- Nội dung kiến thức - Phương pháp trình bày - Mức độ sáng tạo	Toàn bộ các tuần	2	CLO 1,2,3,4,5	

	A1.3. Bài kiểm tra 2 - Nghe	Trắc nghiệm	- Nội dung kiến thức	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.4. Bài kiểm tra 3 – Viết	Tự luận	- Hình thức: Khoa học, đẹp theo qui định trình bày văn phong khoa học - Nội dung: Đảm bảo được yêu cầu - Nộp đúng thời hạn - Không vi phạm vấn đề sao chép	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.5. Bài kiểm tra 4 – Giữa kỳ	Trắc nghiệm	- Nội dung kiến thức	Buổi học thứ 9 của lịch trình 11 buổi, buổi học thứ 7 của lịch trình 9 buổi	1	CLO 1,2,3,4,5	
	A1.6. Tự học	MEL	- Nội dung kiến thức		3	CLO 1,2,3,4,5,6	
A2. Đánh giá cuối kỳ	Bài thi cuối kỳ	Thi trắc nghiệm	- Mức độ chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm - Thái độ nghiêm túc tham gia kỳ thi				60%

Lưu ý:

Điểm đánh giá quá trình chiếm 40% điểm học phần được tính theo công thức:

$(KT\ N\acute{o}i*2 + KT\ Nghe + KT\ Vi\acute{e}t + KT\ gi\ddot{u}ra\ k\dot{y} + T\ddot{u}y\ h\acute{o}c *3) / 8 - \text{Điểm CC}$

10. Thông tin về người/ nhóm biên soạn

STT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Ghi chú
1	Đặng Thị Minh Quyên	Thạc sỹ	
2	Trần Thị Thu Cúc	Thạc sỹ	

3	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Thạc sỹ	
4	Nguyễn Thị Vân	Thạc sỹ	

PHÊ DUYỆT

Phụ trách Học phần



ThS. Đặng Thị Minh Quyên

Chủ nhiệm Khoa



ThS. Dương Cẩm Tú